

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS - PT

Ngày: 03 – 6 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
(Đầu tư cho sản xuất và thu mua lúa).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLPT - DS ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán (Đầu tư cho sản xuất và thu mua lúa).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS - ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2021/QĐ - PT ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 98, ấp M, xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thành Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 602/1, ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bạch Sỹ C, luật sư của Văn phòng luật sư BS, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 181/9, đường N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Thành Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày:

Vào vụ hè thu năm 2019, ông có bao tiêu cho ông Đ diện tích đất là 75 ha, với giống lúa nếp OM84, theo hợp đồng hai bên đã ký kết với nhau vào ngày 26/6/2019 tại xã Đại Hải, bao tiêu với giá sàn cao hơn lúa 5451 tại thời điểm thị trường là 400 đồng đối với giống lúa nếp OM84, đến khi chốt giá thì lúa 5451 tại thị trường là 5.100 đồng theo hợp đồng đã ký thì giá OM84 là giá 5.500 đồng, ông Đ đòi 5.900 đồng cao hơn giá thị trường so với hợp đồng là 400 đồng, ông T vẫn đồng ý chốt giá mua nhưng ông Đ không bán.

Sau đó phát sinh tranh chấp, Tổ hòa giải ấp Nam Hải, xã Đại Hải đã yêu cầu ông Đ thực hiện đúng hợp đồng đối với ông nhưng ông Đ cho rằng với giá 8.000 đồng ông Đ cũng không cho ông vì ông Đ đã lấy cọc bán cho thương lái khác nên không thể thực hiện theo hợp đồng. Ông T yêu cầu nếu ông Đ không thực hiện theo hợp đồng thì phải bồi thường hợp đồng cho ông là 1.500.000 đồng/công tầm cấy. Do ông Đ không thực hiện hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch thu mua lúa giữa doanh nghiệp với các hộ dân, làm ảnh hưởng tới uy tín chương trình bao tiêu và liên kết giữa hộ dân và doanh nghiệp, vì ông Đ không bán lúa cho ông, ông phải bồi thường lại với công ty mà ông đã ký kết.

Theo biên bản hòa giải ngày 22/8/2019, tổng số tiền ông Đ phải trả và hỗ trợ cho ông là 242.422.000 đồng, sẽ trả đủ vào ngày 03/9/2019 và ông Đ vận động bà con hỗ trợ thêm nhưng đến nay ông Đ vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Bùi Thành Đ phải bồi thường một phần hợp đồng là 500.000 đồng/công, tổng diện tích đất lúa là 75ha x 500.000 đồng = 375.000.000 đồng và một phần tiền giống, phân, thuốc còn thiếu là 61.000.000 đồng. Tổng cộng là 436.000.000 đồng.

- Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Thành Đ trình bày:

Ông có ký “Hợp đồng bao tiêu và mua bán lúa tươi giống lúa nếp OM84”, vào ngày 26/6/2019 có chứng thực của UBND xã Đại Hải, huyện Kế Sách như ông T trình bày là đúng sự thật. Ông thừa nhận toàn bộ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng là do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc ông không bán lúa cho ông T là do ông T vi phạm hợp đồng vì giống lúa OM84 là không có trên thị trường, khi hợp đồng thì giống lúa OM84 có thời gian sinh trưởng là từ 95 - 100 ngày nhưng thực tế thì tới 120 ngày gây thiệt hại lớn cho ông và bà con nông dân; Ngày chốt giá là ngày 16/8/2019 nhưng ông T không chốt giá mà đến ngày 17/8/2019 (Trễ 01 ngày) mới chốt giá nên ông đã bán cho lái khác; ông đã trả cho ông T số tiền là 288.800.000 đồng nhiều hơn số tiền đã thỏa thuận nên ông không còn thiếu ông T.

Ông T không đồng ý với phần trình bày của ông Đ, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS - ST ngày 20/01/2021 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 401, 430, 431 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Bùi Thành Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 406.000.000 đồng (Bốn trăm linh sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Bùi Thành Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2021, bị đơn ông Bùi Thành Đ có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS - ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận ngày 28/01/2021. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông T không rút đơn khởi kiện và cho rằng khi hòa giải lần 2 ngày 22/8/2019 dương lịch, hai bên thống nhất thỏa thuận ông Đ phải trả cho ông tiền lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu với số tiền 237.422.000 đồng và ông Đ hỗ trợ thêm số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 242.422.000 đồng, ông Đ đã trả cho ông và trả nợ thay ông còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên và ông không có kháng cáo. Còn đối với việc hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng bao tiêu và mua bán lúa tươi giống lúa nếp OM84, ngày 26/6/2019 là ông Đ phải trả tổng số tiền còn thiếu ông vào ngày 03/9/2019 dương lịch, trả tiền tại trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải, nếu không trả đúng hạn thì không hủy bỏ hợp đồng nêu trên, nhưng ông Đ không trả đúng hạn, nên ông mới khởi kiện yêu cầu bồi thường theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Ngoài ra, vợ ông tên Nguyễn Thị Thu G có tham gia ủy quyền cho ông Đ trả nợ thay và có nhận tiền từ ông Đ trả cho ông, các bên không có tranh chấp về số tiền này, nên đề nghị Tòa án không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn ông Đ thay đổi một phần đơn kháng cáo là do ông T không thừa nhận số tiền 83.000.000 đồng ông đã trả cho ông Lý Minh N thay ông T, nên ông thừa nhận còn thiếu lại ông T tiền mua lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu là 31.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông T số tiền này. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng. Bởi vì, hòa giải thành ngày 22/8/2019 không có thỏa thuận không trả tiền đúng hạn

thì không hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, sáng ngày 03/9/2019 đương lịch ông có đến tại trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải để trả tiền cho ông T, nhưng ông T không đến; sau đó, vợ ông T và ông T ủy quyền cho ông trả nợ thay và ông cũng có trả tiền cho vợ ông T, nên ông còn thiếu lại số tiền 31.000.000 đồng. Đồng thời, ông Đ đề nghị không đưa những người theo danh sách các hộ nông dân bao tiêu lúa nếp OM84, lập ngày 02/7/2019, gồm 27 người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì danh sách này là do ông T đưa và ông cũng không có yêu cầu gì đối với những người này. Ngoài ra, đối với số tiền ông đã trả cho ông N thì ông tự thỏa thuận sau với ông N, ông đề nghị không đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, vì ông T không chấp nhận việc ông Đ trả ông N số tiền 83.000.000 đồng, nên ông Đ đồng ý trả ông T số tiền 31.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Ngoài ra, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại hợp đồng bao tiêu thì khi có tranh chấp và được hòa giải thành tại Biên bản hòa giải ngày 22/8/2019, ông T thống nhất cho ông Đ bán lúa cho người khác, ông Đ trả ông T tiền mua lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu và hỗ trợ tổng cộng là 242.422.000 đồng, trả vào ngày 03/9/2019 đương lịch tại trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải và hủy bỏ Hợp đồng bao tiêu mua bán lúa tươi giữa ông T với ông Đ, không có thỏa thuận điều kiện nào khác như lời ông T trình bày. Đến ngày 03/9/2019 đương lịch ông Đ có đến trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải để trả tiền cho ông T, ông T không đến, nhưng cùng ngày 03/9/2019 vợ ông T có văn bản ủy quyền cho ông Đ trả nợ thay ông T và ông Đ trả nợ thay ông T vào ngày 04/9/2019 và trả các lần tiếp theo chỉ còn thiếu lại số tiền 31.000.000 đồng. Vì vậy, Hợp đồng bao tiêu lúc tươi giữa hai bên đã bị hủy bỏ và chấm dứt kể từ ngày hòa giải thành là ngày 22/8/2019, việc này được ông Hà Quốc O là Tổ trưởng Tổ hòa giải và bà Hà Sĩ Trí H là Thư ký ghi Biên bản hòa giải ấp Nam Hải xác định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận việc thay đổi một phần kháng cáo của ông Đ và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông Đ bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan, đề nghị HĐXX chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông Đ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông Đ bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn ông Bùi Thành Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Bạch Sỹ Chất đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Đ là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đề nghị không đưa 27 người dân trong danh sách các hộ nông dân bao tiêu lúa nếp OM84, ngày 02/7/2019 và người mà ông đã trả tiền thay ông T là ông Lý Minh N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì ông không có yêu cầu gì đối với những người này. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng đề nghị không đưa vợ ông tên Nguyễn Thị Thu G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì các bên không có tranh chấp về số tiền ủy quyền trả nợ và số tiền bà G nhận. Do đó, HĐXX không đưa những người vừa nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông Đ là đối với tiền mua lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu ông còn thiếu lại ông T số tiền 31.000.000 đồng, nên ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông Đ là không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu, nên HĐXX xác định ông Đ còn thiếu ông T tiền mua lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu với số tiền 31.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của ông Đ về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng. Xét thấy, do Hợp đồng bao tiêu và mua lúa tươi giống lúa nếp OM84, ngày 26/6/2019 không quy định rõ trách nhiệm của các bên về việc ai là người cung cấp danh sách từng hộ dân tham gia trồng và mua bán lúa nếp, để xác định mỗi hộ nông dân tham gia trồng và mua bán lúa nếp với số lượng cụ thể là bao nhiêu công. Đồng thời, cũng không quy định ai là người có trách nhiệm thông báo ngày xạ lúa, nên không có cơ sở xác định ngày xạ lúa là ngày nào, từ đó không thể xác định được ngày chốt giá lúa và ngày thu mua lúa là ngày nào. Tuy ông T cho rằng ông có xuống chốt giá lúa nhưng ông Đ không đồng ý, còn ông Đ thì cho rằng ông T xuống trể nên không chốt giá lúa được nên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu Tổ hòa giải ấp Nam Hải, xã Đại Hải hòa giải. Tại Biên bản hòa giải thành ngày 22/8/2019, hai bên thống nhất thỏa thuận ông T đồng ý cho ông Đ bán lúa cho người khác, ông Đ sẽ trả đủ số tiền trong bản kê của hai bên giao và nhận nợ và hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng, địa

điểm giao nhận tiền tại trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải vào ngày 03/9/2019 dương lịch và hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng bao tiêu như đã nêu trên (BL số 16, 17). Theo đó, tại Bản kê giao nhận lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu (BL số 14) số tiền là 237.422.000 đồng, cộng với tiền hỗ trợ nên tổng cộng ông Đ sẽ trả cho ông T số tiền 242.422.000 đồng; cùng ngày 03/9/2019 vợ ông T tên Nguyễn Thị Thu G ủy quyền cho ông Đ trả nợ thay, vợ ông T có nhận tiền từ ông Đ và ông T có ủy quyền cho ông Đ trả nợ thay, ông Đ đã thực hiện nên còn thiếu lại ông T số tiền 31.000.000 đồng (BL số 70), các bên thống nhất số tiền này. Mặc dù, theo ông T cho rằng việc hai bên thống nhất hủy bỏ Hợp đồng bao tiêu và mua bán lúa tươi giống lúa nếp OM84, ngày 26/6/2019 là ông Đ phải trả tổng số tiền còn thiếu ông vào ngày 03/9/2019 dương lịch, trả tiền tại trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải, nếu không trả đúng hạn thì không hủy hợp đồng nêu trên, nhưng ông Đ không trả đúng hạn, nên ông mới khởi kiện yêu cầu bồi thường theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Tuy nhiên, theo ông Đ thì cho rằng không có thỏa thuận điều kiện như ông T trình bày và sáng ngày 03/9/2019 dương lịch ông có đến trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải để trả tiền cho ông T, nhưng ông T không đến, việc này được ông Hà Quốc O, Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp Nam Hải xác định ông Đ có đến trụ sở Ban nhân dân ấp Nam Hải sáng ngày 03/9/2019 dương lịch để trả tiền cho ông T, nhưng buổi chiều ông T mới đến. Đồng thời, trên Biên bản hòa giải thành ngày 22/8/2019 không có thể hiện điều kiện hủy Hợp đồng bao tiêu như lời ông T trình bày. Mặt khác, theo ông O, Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp Nam Hải và Thư ký ghi biên bản hòa giải bà Hà Sĩ Trí H xác định: Hòa giải thành và thống nhất số tiền, thời gian trả và hủy bỏ Hợp đồng bao tiêu thì không có thỏa thuận hoặc đặt điều kiện nào khác. Do đó, Hợp đồng bao tiêu và mua bán lúa tươi giống lúa nếp OM84, ngày 26/6/2019 đã được các bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng, thống nhất số tiền phải trả, thời gian và địa điểm trả, việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các bên không có thỏa thuận nếu không trả đủ tiền đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận thì Hợp đồng bao tiêu không bị hủy bỏ. Hơn nữa, việc ông Đ trả tiền không đúng hạn là do lỗi của ông T, ông T chỉ có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền còn thiếu theo Biên bản hòa giải thành ngày 22/8/2019. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và buộc ông Đ bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng là không có căn cứ, không đúng bản chất của vụ việc đã được hòa giải thành.

[6] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu tại mục [5], nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông Đ về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng là có căn cứ, nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng như vừa nêu trên.

[7] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận việc thay đổi một phần kháng cáo của ông Đ và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông Đ bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận với số tiền 375.000.000 đồng, nên ông T phải chịu 18.750.000 đồng. Do ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 31.000.000 đồng, nên ông Đ phải chịu 1.550.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Việc sửa Bản án dân sự sơ thẩm có liên quan đến nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đ, nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận việc thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông Đ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông Đ bồi thường hợp đồng với số tiền 375.000.000 đồng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thành Đ.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS - ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán (Đầu tư cho sản xuất và thu mua lúa). Án tuyên như sau:

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Bùi Thành Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T tiền mua lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu còn thiếu với số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).*

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.*

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Bùi Thành Đ bồi thường thiệt hại một phần hợp đồng bao tiêu mua bán lúa tươi với số tiền là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 11.260.000 đồng (Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) ông T đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002739 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Văn T còn phải nộp thêm số tiền 7.490.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Ông Bùi Thành Đ phải chịu 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Thành Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Thành Đ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0008794, ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Toàn